

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HOÁ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 57/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2020
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nga.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Thái Dìn, bà Trịnh Thị Khanh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:

Ông: Trịnh Minh Chữ – Thư ký TAND huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:

Bà: Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 37/2020/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXX - ST, ngày 20 tháng 3 năm 2020, thông báo hoãn phiên tòa số 04/2020/TB-TA, ngày 31/3/2010 và thông báo mở lại phiên tòa số 03/2020/TB-TA, ngày 17/4/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị H- sinh năm 1997

Nơi ĐKKHKT: Thôn Th, xã Cẩm T, huyện H, Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn Ch, xã Cẩm Q, huyện H, Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình L - Sinh năm 1992

Nơi cư trú: Thôn Th, xã Cẩm T, huyện H, Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2020 và bản tự khai nguyên đơn chị Cao Thị H trình bày: Chị và anh L kết hôn với nhau ngày 19/01/2016. Hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm T huyện H. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng với gia đình chồng, cuộc sống hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 8/2016, chị sinh con, tháng 9/2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến chửi bới xúc phạm nhau nên chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sống, đến cuối năm 2017 anh L có lên đón mẹ con về nhưng sau đó anh

L vẫn không sửa chữa mà tiếp tục chửi bới chị nên chị lại đưa con về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân, đến năm 2018 anh L đi xuất khẩu lao động bên Nga mình chị nuôi con, anh L không hề quan tâm đến chị và con. Cuối năm 2019 anh L hết hợp đồng về nước, anh L có lên chơi thăm con và xin chị đưa con về nhà Nội chơi tết chị đồng ý. Nhưng ngày 21/02/2020 chị gửi con chơi ở nhà bà Thím cạnh nhà thì anh L tự ý bế đưa con (cháu Phong) về nhà, đến ngày 22/02/2020 chị xuống gia đình anh L đón cháu Phong về thì anh L và gia đình không cho. Nay chị làm đơn đề nghị được ly hôn anh L và đề nghị anh L phải giao lại cháu Phong cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, chị không đề nghị anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Không có.

Anh L tại bản tự khai và tại phiên Tòa trình bày: Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn xảy ra như chị H trình bày là đúng, anh bổ sung một số nội dung sau: Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình anh được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và nhiều lần chị H đưa con về nhà ngoại, lần cuối cùng vào cuối năm 2017 chị H đưa con về ngoại được 15 ngày sau đó mang con giao cho anh nuôi và bỏ đi đâu không biết. Đến tháng 5/2018 mẹ chị H mới đến đón con là cháu Phong về nuôi dưỡng, sau đó anh đi xuất khẩu lao động nên cũng để con cho chị H nuôi dưỡng từ đó cho đến ngày 21/02/2020 anh có lên nhà chị H thấy cháu Phong chơi ngoài đường cùng một số cháu nhỏ không có ai là người lớn nên anh có bế con về nhà và có nói với một số cháu nhỏ là nói với mẹ chị H là anh đưa cháu Phong về nhà chơi, nhưng sau đó mẹ chị H điện chửi bới anh và bố mẹ anh nên anh không cho chị H đón con về nữa. Nay chị H đề nghị ly hôn anh nhất trí, anh cũng có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn (chị H) giữ nguyên yêu cầu về ly hôn và đề nghị được nuôi con, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì từ khi vợ chồng mâu thuẫn ly thân chị là người nuôi dưỡng cháu Phong, hiện nay chị có việc làm ổn định tại Công Ty đầu tư thương mại Quang Thịnh với thu nhập 12.000.000/ tháng.

Bị đơn (anh L) nhất trí ly hôn và đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu phải chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay cũng có công việc ổn định mở quán kinh doanh trà sữa ở huyện Hoằng Hóa, trong thời gian chị H nuôi con anh đi vắng bố mẹ anh vẫn đi lại thăm cháu Phong. Nếu chị H đáp ứng điều kiện không được gửi con cho bà ngoại và thứ bảy chủ nhật phải cho anh đón con về thì anh nhất trí giao con cho chị H. Chị H đã đón cháu Phong về từ tháng 4/2020.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 và Điều 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 - BLTTDS.

Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị H được ly hôn anh L .

Về nuôi con: Xét thấy cháu Phong là con chung của vợ chồng đang còn nhỏ, chị H là người nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân đến nay, sau khi anh L về địa phương, tháng 2/2020 đã tự ý đưa cháu Phong về nuôi dưỡng không được sự đồng ý của chị H. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Đình Ph, sinh ngày 14/8/2016 là con chung của vợ chồng cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị H phải chịu phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Cao Thị H làm đơn khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp nuôi con đối với bị đơn anh Nguyễn Đình L trú tại: Thôn thuần Lương, xã Cẩm Tú, huyện H, Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị H và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm T, huyện H, Thanh Hóa nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị H không chịu đựng được nên đưa con về nhà bố mẹ để sống ly thân từ cuối năm 2017. Nay chị H xin ly hôn, anh L nhất trí.

Xét mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân nhau thời gian dài, trong quá trình giải quyết vụ án anh L nhất trí ly hôn chị H. Căn cứ vào Điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị H được ly hôn anh L.

[4] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 01 con chung, cháu Nguyễn Đình Phong, sinh ngày 14/8/2016. Chị H và anh L đều có nguyện vọng được nuôi con. Xét nguyện vọng của anh chị là chính đáng. Nhưng xét điều kiện thực tế của vợ chồng anh L, chị H sống ly thân, nhưng cả hai đều đang ở cùng với bố mẹ đẻ, cả hai tại phiên tòa đều trình bày có việc làm ổn định, nhưng chị H là người nuôi dưỡng cháu Phong từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, cháu Phong được nuôi dưỡng, ăn học ổn định. Do đó, giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị H không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Không có

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147- Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56 ; Điều 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Cao Thị H về Yêu cầu Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chị Cao Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đình L.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Đình Phong sinh ngày 14/8/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ án phí DSST, chị H được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0006223, ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện H;
- TAND tỉnh Thanh hoá;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã Cẩm T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đã Ký

Vũ Văn Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thái Dìn

Vũ Văn Nga

Trịnh Thị Khanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tân

Vũ Văn Nga

Nguyễn Thị Thành

